

Số: /GPMT-KCNĐN

Đồng Nai, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-KCNĐN ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc thành lập tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường dự án “Nhà máy sản xuất, gia công các loại mũ nón, bao tay, vớ, trang phục (công đoạn in), quy mô 12.000.000 sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Greentech Headgear tại đường số 1, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Thịnh Vương);

Căn cứ văn bản số 4561/KCNĐN-MT ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Greentech Headgear;

Xét đề nghị của Công ty Greentech Headgear tại văn bản số 03/CV/GTGP đề ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc giải trình hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Greentech Headgear (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Thực hiện công đoạn in trên sản phẩm mũ nón, bao tay, vớ, trang phục nhằm hoàn thiện sản phẩm của Công ty TNHH Greentech Headgear, quy mô 12.000.000 sản phẩm/năm” tại đường số 1, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Thịnh Vượng) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Thực hiện công đoạn in trên sản phẩm mũ nón, bao tay, vớ, trang phục nhằm hoàn thiện sản phẩm của Công ty TNHH Greentech Headgear, quy mô 12.000.000 sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm thực hiện: đường số 1, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (thuê nhà xưởng số 9 của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Thịnh Vượng, diện tích 4.301m²; Thời hạn thuê xưởng đến ngày 28/02/2028).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Mã số doanh nghiệp: 3502363838 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 5 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 25 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp (Địa chỉ trụ sở chính: đường D02, KCN Châu Đức, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, Mã số chi nhánh: 3502363838-001 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 10 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp (Địa chỉ chi nhánh: đường số 3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai).

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án: 6562167509 chứng nhận lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2018, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 22 tháng 01 năm 2024 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp. Dự án thực hiện tại 02 địa điểm:

+ Địa điểm 1: đường số 3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, huyện Nhơn Trạch (thuê nhà xưởng số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 22, 23, 24, 25, 26 của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Việt Hoàng);

+ Địa điểm 2: đường số 1, KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch (thuê nhà xưởng số 09 của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Thịnh Vượng).

1.4. Mã số thuế: 3502363838.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: In trên sản phẩm (do Công ty TNHH Greentech Headgear sản xuất tại KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: diện tích nhà xưởng 4.301 m² (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Thịnh Vượng).

- Dự án đầu tư nhóm II (theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

- Quy mô: Dự án nhóm B (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Thực hiện in trên sản phẩm mũ nón, bao tay, vớ, trang phục do Công ty TNHH Greentech Headgear sản xuất tại KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú với quy mô 12.000.000 sản phẩm/năm.

- Tóm lược quy trình sản xuất:

+ Sản xuất chung của Công ty TNHH Greentech Headgear: *Nguyên phụ liệu (vải, chỉ may, khóa kéo, dây đai, khuy nút, giấy cuộn) → Thiết kế → Cắt theo kích thước → May từng bộ phận → Ngâm làm mềm vải (1) → In (2), thêu → Lắp ráp thành hình → Dán tem, nhãn → Kiểm tra → Thành phẩm.*

+ Thực hiện tại nhà xưởng số 09 thuê của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Thịnh Vượng:

(1) Quy trình ngâm làm mềm vải: *Nguyên liệu, vải → Xả vải → Ngâm kiềm, làm mềm vải → Vắt → Sấy → Đóng gói.*

(2) Quy trình in sản phẩm: *Chuẩn bị khuôn, pha keo → Chụp phim và tạo khuôn in → Pha mực in → Tiến hành in → Sấy khô → Thành phẩm.*

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (*Từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034*).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nhơn Trạch;
- Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO;
- Công ty TNHH TM Quốc tế Thịnh Vượng;
- Chủ dự án (thực hiện);
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (Tuyet)

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trí Phương

PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNDN ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, sau đó theo đường ống thu gom chảy về 01 hố ga trên đường nội bộ khu nhà xưởng của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Thịnh Vượng, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I, không xả trực tiếp ra môi trường.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ dự án được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế là 310 m³/ngày đêm của chủ dự án, sau đó theo đường ống thu gom chảy về 01 hố ga trên đường nội bộ khu nhà xưởng của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Thịnh Vượng, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I, không xả trực tiếp ra môi trường

- Chủ dự án đã ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO theo Hợp đồng số 42/CT-QLDA ngày 25/4/2023.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt (lưu lượng phát sinh khoảng 20m³/ngày) được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn sau đó thu gom đưa về 01 hố ga trên đường nội bộ khu nhà xưởng của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Thịnh Vượng.

- Nước thải sản xuất từ công đoạn rửa khuôn in (lưu lượng phát sinh khoảng 7m³/ngày) và của quá trình ngâm làm mềm vải (lưu lượng phát sinh khoảng 240 m³/ngày) sẽ được thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 310 m³/ngày đêm của chủ dự án, sau đó theo đường ống thu gom chảy về 01 hố ga trên đường nội bộ khu nhà xưởng của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Thịnh Vượng. Toàn bộ nước thải của khu nhà xưởng cho thuê được thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại: 01 bể, thể tích 20m³.

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Nước thải sinh hoạt* → *Bể tự hoại 3 ngăn* → *hố ga giám sát* → *Hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của KCN Nhơn Trạch I.*

- Tổng thể tích thiết kế: 20 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải

1.2.2.1. Hệ thống xử lý nước thải từ công đoạn in:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Nước thải chứa mực in* → *Hố thu* → *Bể điều hòa* → *Bể trung hòa* → *Bể keo tụ* → *Bể tạo bông* → *Bể lắng* → *Bể chứa* → *Bể trung hòa 1 (Thu gom cùng nước thải từ quá trình làm mềm vải sau khi qua hố thu)* → *Bể*

trung hòa 2 → Hồ ga giám sát của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Thịnh Vương → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Nhơn Trạch I.

- Công suất thiết kế: 10 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PolyAluminium Chloride, Polymer Anion, Sodium Hydroxide, Polymer Canion

1.2.2.2. Hệ thống xử lý nước thải làm mềm vải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải làm mềm vải → Hồ thu gom → Bể trung hòa 1 → Bể trung hòa 2 → hồ ga trên đường nội bộ khu nhà xưởng của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Thịnh Vương → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN Nhơn Trạch I.

- Công suất thiết kế: 300 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: HCl

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế: 310 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại điểm đầu nối của dự án hồ ga trên đường nội bộ khu nhà xưởng của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Thịnh Vương.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Các thông số ô nhiễm trong nước thải của Dự án (trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN) phải đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch I theo thỏa thuận giữa Chủ dự án và Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Nhơn Trạch I (Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Phối hợp đơn vị cho thuê xưởng thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch I, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này, Chủ dự án phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... để vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020 (do hoạt động của dự án không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Trong trường hợp có phát sinh bụi, khí thải tại nguồn: Đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v=0,8$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn thải của dự án), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT. Thực hiện các biện pháp khống chế, giảm thiểu mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường.

2. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả khí thải không đạt quy chuẩn ra môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNDN ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: phát sinh từ máy nén khí.
- Nguồn số 02: phát sinh tại hệ thống xử lý nước thải của nhà máy.
- Nguồn số 03: phát sinh tại nhà xưởng sản xuất.

2. Vị trí, tọa độ phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

- Nguồn số 01: X = 1.188.309; Y = 409.205.
- Nguồn số 02: X = 1.188.302; Y = 409.133.
- Nguồn số 03: X = 1.188.267; Y = 409.145.

3. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của

thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

1.2. Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

1.3. Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh, thay thế thiết bị hỏng...), đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNDN ngày tháng năm 2024
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Phân loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	KS	100
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	NH	100
3	Dầu nhớt thải từ máy móc	Lỏng	17 02 04	NH	500
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	KS	300
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	KS	300
6	Giẻ lau có dính thành phần mực in	Rắn	18 02 01	KS	5.000
7	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	NH	100
8	Hóa chất thải	Lỏng	19 05 03	NH	300
9	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	Rắn	18 02 01	KS	1.000
Tổng khối lượng dự kiến phát sinh (kg/năm)					7.700

Ghi chú: Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Vải vụn, chỉ vụn, simili vụn	8.000
2	Thùng carton	5.000
3	Bao nylon, băng keo thải...	500
Tổng khối lượng dự kiến phát sinh (kg/năm)		13.500

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng phát sinh khoảng: 15 (tấn/năm).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 40 m². Tại kho lưu chứa được phân thành các lô để phân loại chất thải theo quy định.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: được bố trí bên ngoài nhà xưởng, mái che bằng tôn, tường xây bằng gạch và nền được đổ bê tông chống thấm, có dán mã chất thải nguy hại, bố trí thiết bị chuyên dụng để lưu chứa chất thải nguy hại, đảm bảo theo quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với các đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý định kỳ theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bố trí kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 17 m². Tại kho lưu chứa được phân thành các lô để phân loại chất thải theo quy định.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: được bố trí bên ngoài nhà xưởng, mái che bằng tôn, tường xây bằng gạch và nền được đổ bê tông chống thấm đảm bảo theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom, phân loại vào các thùng rác có nắp đậy loại 10L, 20L, 240L với chất liệu nhựa HDPE và lưu trữ tại nhà lưu giữ chất thải sinh hoạt có diện tích 10 m².

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý định kỳ theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Dự án theo quy định.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KCNĐN ngày / /2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

4. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

5. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

7. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Thịnh Vượng, Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO, UBND huyện Nhơn Trạch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ dự án chỉ

được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

9. Phối hợp với đơn vị cho thuê nhà xưởng trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Luật Xây dựng, Luật Phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan.

11. Phối hợp với đơn vị cho thuê xưởng tăng cường diện tích trồng cây xanh, nhất là cây xanh có tán nhằm điều hòa môi trường không khí và đảm bảo diện tích đạt tỷ lệ theo quy định.

12. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI.